

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 4917/2024/KDTM-ST  
Ngày: 30/9/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Lưu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đinh Thị Diễm Kiều
- Bà Đặng Thị Thanh Tâm

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6915/2024/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7749/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam)

Địa chỉ: số A đường C, khu công nghiệp B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đỗ Thị Ngọc D, sinh năm 1972

Địa chỉ liên lạc: số A đường C, khu công nghiệp B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Giấy ủy quyền ngày 05/9/2023) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Công ty cổ phần Thương mại Sản xuất Xây dựng Duy Nguyễn

Địa chỉ: phòng 5.09 Lầu 5, Tòa nhà S, số A đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1976, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: P Lầu E, Tòa nhà S, số A đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam), có người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị Ngọc D trình bày:*

Ngày 12/9/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) và Công ty cổ phần T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) có ký Hợp đồng nguyên tắc số PJD02-HCMC-008-2022, nội dung hợp đồng: bên mua là công ty T1 đồng ý mua hàng hóa do bên bán là Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) sản xuất là sản phẩm sơn Nippon với số lượng và giá cả theo như các bảng giá được phát hành bởi bên bán hoặc chi nhánh hợp pháp của bên bán.

Phương thức giao nhận hàng trong 7 ngày làm việc (đối với Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương) và 18 ngày làm việc (đối với Hà Nội, Đà Nẵng) kể từ khi nhận được đơn đặt hàng;

Hình thức thanh toán: thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Thực hiện hợp đồng, theo đơn đặt hàng của Công ty T1, Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) đã tiến hành giao hàng đầy đủ cho Công ty T1. Tuy nhiên Công ty T1 vẫn chưa thanh toán đầy đủ tiền mua hàng.

Ngày 30/9/2022, Công ty T1 có bản đề nghị công nợ, nội dung: hạn mức công nợ đề nghị là 800.000.000 đồng, Công ty T1 cam kết chấp nhận thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) một khoản lãi suất 0,75%/tháng tính trên khoản nợ quá hạn.

Đến tháng 4 năm 2023, Công ty T1 có ký Bảng xác nhận công nợ tháng 4/2023, nội dung: tính đến ngày 30/4/2023 Công ty T1 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) số tiền 359.101.600 đồng.

Ngày 05/5/2023, Công ty T1 thanh toán số tiền: 44.079.200 đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 05/5/2023 tại Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh B) và Chiết khấu thanh toán tháng 4/2023: 1.552.386 đồng. Sau đó ngưng thanh toán cho đến nay.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty T1 không thực hiện.

Sau khi Công ty TNHH N (Việt Nam) khởi kiện tại Tòa, vào ngày 29/02/2024, Công ty T1 (sau đây viết tắt là công ty T1 có gửi qua tài khoản zalo file văn bản về lịch thanh toán công nợ, đến ngày 09/6/2024 Công ty T1 tiếp tục gửi thông báo lịch thanh toán công nợ số 09062024/CVDN-NP, theo đó Công ty T1 cam kết thanh toán số tiền nợ như sau:

Đợt 1: Đến ngày 31/6/2024 thanh toán số tiền 80.000.000 đồng;

Đợt 2: Đến ngày 30/7/2024 thanh toán số tiền 80.000.000 đồng;

Đợt 3: Đến ngày 31/8/2024 thanh toán số tiền 80.000.000 đồng;

Đợt 4: Đến ngày 30/9/2024 thanh toán số tiền 94.944.214 đồng;

Tổng cộng số tiền là 334.944.214 đồng.

Tuy nhiên từ đó đến nay Công ty T1 không thanh toán nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam). Vì vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Công ty cổ phần T1 phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) số tiền nợ gốc mua hàng là 334.944.214 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 (theo mức lãi suất 9%/năm) là 42.573.178 đồng; tổng cộng số tiền là 377.517.392 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiếp tục phát sinh cho đến ngày thanh toán hết số nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng).

*Bị đơn Công ty cổ phần T1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập Công ty cổ phần T1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty cổ phần T1 vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn đã thể hiện khoản nợ của nguyên đơn đã được bị đơn xác nhận và đã gửi cam kết trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) là có

căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 06/9/2023 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0314886477 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cung cấp thì Công ty cổ phần T1 có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Công ty cổ phần T1, có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Duy M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 10/9/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ Công ty T1, ông Nguyễn Duy M lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng Công ty T1, ông Nguyễn Duy M vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Ngọc D, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty cổ phần T1 phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) số tiền nợ gốc mua hàng là 334.944.214 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 (theo mức lãi suất 9%/năm) là 42.573.178 đồng; tổng cộng số tiền là 377.517.392 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến ngày thanh toán hết số nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào nội dung ký kết “Hợp đồng nguyên tắc” số PJD02-HCMC-008-2022 ngày 12/9/2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) và Công ty T1; Giấy xác nhận công nợ ngày 30/4/2023 của

Công ty T1; Thông báo lịch thanh toán công nợ ngày 29/02/2024 của Công ty T1; Thông báo lịch thanh toán công nợ ngày 09/6/2024 của Công ty T1 và bản đề nghị công nợ ngày 30/9/2022 của Công ty T1.

Hội đồng xét xử xét đối với khoản nợ gốc là 334.944.214 đồng đã được bị đơn là Công ty cổ phần T1 xác nhận, có thư ngỏ và thông báo lịch trả nợ và bản đề nghị công nợ gửi cho nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) nên các bên đương sự không cần phải chứng cứ, chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận là đúng quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền lãi do chậm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán, cụ thể: Tiền lãi do chậm thanh toán tương ứng với 09 hóa đơn; số tiền và thời gian chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2024 (theo mức lãi suất 9%/năm) là 42.573.178 đồng; Mức lãi do chậm thanh toán đã được Công ty cổ phần T2 Nguyễn đồng ý theo Bản đề nghị công nợ (khoản 2 mục IV) ngày 30/9/2022. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán như thoả thuận giữa các bên là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 11, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam).

Buộc Công ty cổ phần T1 có nghĩa vụ thanh toán Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) tiền nợ gốc 334.944.214 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là 42.573.178 đồng; tổng cộng là 377.517.392 (ba trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm chín mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 01/10/2024 tiền lãi do chậm thanh toán tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số PJD02-HCMC-008-2022 ngày 12/9/2022 và Bản đề nghị công nợ ngày 30/9/2022 (lãi suất 0,75%/tháng) cho đến khi Công ty cổ phần T1 thanh toán xong khoản nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam).

## 2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần T1 phải nộp 18.875.870 (mười tám triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.643.883 (tám triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm tám mươi ba) đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0005020 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Quốc Lưu**